

PHIẾU KIỂM NGHIỆM  
(Số: 82/XN-KSBT)



- Tên mẫu: NƯỚC SINH HOẠT 27
- Mã số mẫu: 24.12.12 - 82/GS - NSH
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 12/12/2024
- Ngày nhận mẫu: 12/12/2024
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 12/12/2024 đến 24/12/2024.
- Nơi lấy mẫu: Lấy tại hộ gia đình Phạm Sỹ Thắng (Mạng lưới đường ống phân phối của nhà máy nước sạch Đồng Tâm).

Địa chỉ: Quang Trung, Thanh Hà, Thanh Liêm, Hà Nam.

9. Tài liệu kèm theo: Biên bản lấy mẫu số 09 ngày 12/12/2024 của Trung tâm KSBT tỉnh Hà Nam.

10. Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCDP 01:2022/HN)
1	Mùi, vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH <sup>(*)</sup>	TCVN 6492:2011		8,3	6,0 – 8,5
3	Cadmi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (<0,0006)	0,003
4	Chì (Plumbum) (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (<0,002)	0,01
5	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186: 1996	mg/L	2,56	2
6	Chloride (Cl <sup>-</sup> )	TCVN 6194: 1996	mg/L	92,2	250
7	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>	TCVN 6224:1996	mg/L	200	300
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW [1:2540 C]:2012	mg/L	353	1000
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	SMEWW 9213B:2017	CFU/100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1
10	Trực khuẩn mũ xanh (Ps. Aeruginosa)	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1
11	Coliforms <sup>(*)</sup>	TCVN	CFU/	KPH (< 1CFU/100mL)	< 3
12	E.Coli <sup>(*)</sup>	6187-1:2019	100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu <sup>(\*)</sup> đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC SINH HOẠT 27” trên không đạt tiêu chuẩn theo QCDP 01:2022/HN.

Hà Nam, ngày 24 tháng 12 năm 2024

KIỂM NGHIỆM VIÊN

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

KHOA XN-CĐHA-TDCN



GIÁM ĐỐC  
VŨ KIM

Vũ Hải Giang

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định



PHIẾU KIỂM NGHIỆM  
(Số: 81/XN-KSBT)



- Tên mẫu: NƯỚC SINH HOẠT 26
- Mã số mẫu: 24.12.12 - 81/GS - NSH
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 12/12/2024
- Ngày nhận mẫu: 12/12/2024
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 12/12/2024 đến 24/12/2024.
- Nơi lấy mẫu: Lấy tại hộ gia đình Trần Thị Thoan (Mạng lưới đường ống phân phối của nhà máy nước sạch Đồng Tâm).

Địa chỉ: Xóm 1 Tầng, Thanh Hương, Thanh Liêm, Hà Nam.

- Tài liệu kèm theo: Biên bản lấy mẫu số 09 ngày 12/12/2024 của Trung tâm KSBT tỉnh Hà Nam.
- Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCDP 01:2022/HN)
1	Mùi, vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH <sup>(*)</sup>	TCVN 6492:2011		8,2	6,0 – 8,5
3	Cadmi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (<0,0006)	0,003
4	Chì (Plumbum) (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (<0,002)	0,01
5	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186: 1996	mg/L	2,56	2
6	Chloride (Cl <sup>-</sup> )	TCVN 6194: 1996	mg/L	92,9	250
7	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>	TCVN 6224:1996	mg/L	196	300
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW [1:2540 C]:2012	mg/L	348	1000
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	SMEWW 9213B:2017	CFU/100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1
10	Trực khuẩn mũ xanh (Ps. Aeruginosa)	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1
11	Coliforms <sup>(*)</sup>	TCVN	CFU/	KPH (< 1CFU/100mL)	< 3
12	E.Coli <sup>(*)</sup>	6187-1:2019	100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu <sup>(\*)</sup> đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC SINH HOẠT 26” trên không đạt tiêu chuẩn theo QCDP 01:2022/HN.

Hà Nam, ngày 24 tháng 12 năm 2024  
KIỂM NGHIỆM VIÊN

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

KHOA XN-CĐHA-TDCN



NGƯỜI KIỂM ĐỌC  
VŨ KIM

Vũ Hải Giang

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định



PHIẾU KIỂM NGHIỆM  
(Số: 80/XN-KSBT)



- Tên mẫu: NƯỚC SINH HOẠT 25
- Mã số mẫu: 24.12.12 - 80/GS - NSH
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 12/12/2024
- Ngày nhận mẫu: 12/12/2024
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 12/12/2024 đến 24/12/2024.
- Nơi lấy mẫu: Nhà máy nước sạch Đồng Tâm.

Địa chỉ: Phúc Lai, Thanh Phong, Thanh Liêm, Hà Nam.

- Tài liệu kèm theo: Biên bản lấy mẫu số 09 ngày 12/12/2024 của Trung tâm KSBT tỉnh Hà Nam.

10. Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCĐP 01:2022/HN)
1	Mùi, vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH <sup>(*)</sup>	TCVN 6492:2011		8,3	6,0 – 8,5
3	Cadmi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (<0,0006)	0,003
4	Chì (Plumbum) (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (<0,002)	0,01
5	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186: 1996	mg/L	1,92	2
6	Chloride (Cl <sup>-</sup> )	TCVN 6194: 1996	mg/L	91,5	250
7	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>	TCVN 6224:1996	mg/L	208	300
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW [1:2540 C]:2012	mg/L	364	1000
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	SMEWW 9213B:2017	CFU/100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1
10	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1
11	Coliforms <sup>(*)</sup>	TCVN	CFU/100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 3
12	E.Coli <sup>(*)</sup>	6187-1:2019	100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu <sup>(\*)</sup> đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC SINH HOẠT 25” trên đạt 12 chỉ tiêu kiểm nghiệm theo QCĐP 01:2022/HN.

Hà Nam, ngày 24 tháng 12 năm 2024

KIỂM NGHIỆM VIÊN

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

KHOA XN-CĐHA-TDCN



GIÁM ĐỐC  
VỤ KIM

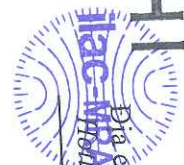
Vũ Hải Giang

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định





VLAT 1.0559  
ISO/IEC 17025:2017

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1.07255a/2024/PKQ/24.3966

### VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội  
Điện thoại: 0866992688  
Email: info@etohi.vn  
ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306

#### I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam  
Địa chỉ: Trường Chinh, Minh Khai, Phú Lý, Hà Nam  
Địa điểm quan trắc: Trạm cấp nước Thanh Phong  
Loại mẫu: Nước sinh hoạt  
Ngày quan trắc: 12/12/2024  
Thời gian thử nghiệm: 12/12/2024 - 30/12/2024

#### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCSS
				241212.NSH.025	241212.NSH.026	241212.NSH.027	
1	Clo dư tự do <sup>(+)</sup>	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,39	0,32	0,32	0,2 ÷ 1
2	Màu sắc <sup>(+)</sup>	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	15
3	Độ đục <sup>(+)</sup>	NFU	SMEWW 2130B:2023	0,85	<0,6	0,9	2
4	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N) <sup>(+)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,28	0,26	0,27	0,3
5	Mangan (Mn) <sup>(+)</sup>	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	0,1
6	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N) <sup>(+)</sup>	mg/L	TCVN 6180:1996	0,34	0,36	<0,03	2
7	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N) <sup>(+)</sup>	mg/L	TCVN 6178:1996	KPH (LOD=0,006)	KPH (LOD=0,006)	KPH (LOD=0,006)	0,05
8	Sắt (Fe) <sup>(+)</sup>	mg/L	SMEWW 3500.Fe.B:2023	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	0,3

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.  
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.  
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày. Viện không giữ lại việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội  
Hotline: 0866992088 Email: info@etahi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimecerts 306

9	Sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )(*)	mg/L	SMEWW 4500-SO42- E:2023	<4,5	<4,5	<4,5	250
---	---	------	----------------------------	------	------	------	-----

**Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCSS: Quy chuẩn so sánh theo yêu cầu của khách hàng theo QCEP 01:2022/HN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
- 241212.NSH.025 - NSH025: Mẫu nước sinh hoạt tại nhà máy;
- 241212.NSH.026 - NSH026: Mẫu nước tại HGD: Trần Thị Thoan - Xóm 1 Tâng, Thanh Hương, Thanh Liêm, Hà Nam;
- 241212.NSH.027 - NSH027: Mẫu nước tại HGD: Phạm Sỹ Thắng - Quang Trung, Thành Hà, Thanh Liêm, Hà Nam.

**PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH**

*(Signature)*  
KS. Nguyễn Quang Nhật

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024

TS. Bùi Đức Trung



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022





**VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG**  
**PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH**  
Địa chỉ: Số 6-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội  
Hotline: 0866692688 Email: info@etih.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Yimcerts 306  
ISO/IEC 17025:2017

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1.07255b/2024/PKQ/24.3966

### I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam  
Địa chỉ: Trường Chinh, Minh Khai, Phú Lý, Hà Nam  
Địa điểm quan trắc: Trạm cấp nước Thanh Phong  
Loại mẫu: Nước sinh hoạt  
Ngày quan trắc: 12/12/2024  
Thời gian thử nghiệm: 12/12/2024 - 30/12/2024

### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCSS
				241212.NSH.025	241212.NSH.026	241212.NSH.027	
1	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) <sup>(+)</sup>	mg/L	TCVN 6635:2000	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	0,3
2	Tổng Crom (Cr) <sup>(+)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2023	(LOD=0,0004) KPH	(LOD=0,0004) KPH	(LOD=0,0004) KPH	0,05
3	Xianua (CN) <sup>(+)</sup>	mg/L	TCVN 6181:1996	(LOD=0,002) KPH	(LOD=0,002) KPH	(LOD=0,002) KPH	0,05
4	Đồng (Cu) <sup>(+)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2023	(LOD=0,001) KPH	(LOD=0,001) KPH	(LOD=0,001) KPH	1
5	Fluorua (F) <sup>(+)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-F-B&D:2023	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	1,5
6	Nhôm (Al) <sup>(+)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,0346 KPH	0,0458 KPH	0,1249 KPH	0,2
7	Niken (Ni) <sup>(+)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2023	(LOD=0,0007) KPH	(LOD=0,0007) KPH	(LOD=0,0007) KPH	0,07
8	Selen (Se) <sup>(+)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2023	(LOD=0,0007) KPH	(LOD=0,0007) KPH	(LOD=0,0007) KPH	0,01

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày. Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022

Trang 1/3

9	Thủy ngân (Hg) <sup>(+)</sup>	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,00026)	KPH (LOD=0,00026)	KPH (LOD=0,00026)	0,001
10	Vinyl clorua <sup>(+)</sup>	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	0,3
11	Carbon tetrachloride <sup>(+)</sup>	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	2
12	Tetracloroeten <sup>(+)</sup>	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	40
13	Trichloroethene <sup>(+)</sup>	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	20
14	Benzen <sup>(+)</sup>	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	10
15	Phenol và dẫn xuất của phenol <sup>(+)</sup>	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	1
16	Styrene <sup>(+)</sup>	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	20
17	DDT và các dẫn xuất <sup>(+)</sup>	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	1
18	Bromat <sup>(+)</sup>	µg/L	TCVN 9243:2012	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	10
19	Bromodichloromethane <sup>(+)</sup>	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	60
20	Bromoform <sup>(+)</sup>	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	100
21	Chloroform <sup>(+)</sup>	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	300
22	Dibromochloromethane <sup>(+)</sup>	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	100
23	Formaldehyde <sup>(+)</sup>	µg/L	US EPA Method 556	KPH (LOD=10)	KPH (LOD=10)	KPH (LOD=10)	900
24	Monochloramine <sup>(+)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	3
25	Trichloroaxetonitri <sup>(+)</sup>	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	1
26	Tổng hoạt độ phóng xạ α <sup>(+)</sup>	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	0,1
27	Tổng hoạt độ phóng xạ β <sup>(+)</sup>	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	1

**Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;

- QCSS: Quy chuẩn so sánh theo yêu cầu của khách hàng theo QCDP 01:2022/HN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

**ETOH I**

**VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH**

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội  
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcertis 306

- 241212.NSH.025 - NSH025: Mẫu nước sinh hoạt tại nhà máy;
- 241212.NSH.026 - NSH026: Mẫu nước tại HGD: Trần Thị Thoan - Xóm 1 Tầng, Thanh Hương, Thanh Liêm, Hà Nam;
- 241212.NSH.027 - NSH027: Mẫu nước tại HGD: Phạm Sỹ Thắng - Quang Trung, Thành Hà, Thanh Liêm, Hà Nam.

**PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH**

**VIỆN TRƯỞNG**

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024

**KS. Nguyễn Quang Nhật**



**TS. Bùi Đức Trung**



1. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày. Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

